TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28-6-2024
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Tuấn Vĩnh .**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hồng Diện.**

Bà **Nguyễn Thị Lam.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lăng Đức Lan** - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà **Hà Thị Thủy** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 về *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2024/QĐST-DS, ngày 13 tháng 6 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị O, sinh năm 1989; có mặt.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1990; vắng mặt lần 2 không lý do.

Cùng địa chỉ nơi cư trú: Tổ A, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và tại phiên tòa chị Trần Thị O trình bày: Chị và chồng chị là anh Nguyễn Đức T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 14/12/2022 tại UBND thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, cả hai không tạo điều kiện giúp đỡ nhau trong cuộc sống, chồng chị lười lao động, không chịu làm ăn vun vén cuộc sống gia đình, chị nói thì chồng chị không tiếp thu và không nghe, hay quấy nhiễu chị, chửi bời xúc phạm chị, vợ chồng thường sảy ra cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện chị thấy tình cảm vợ chồng không còn cả hai không quan tâm chăm sóc đến nhau, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn chồng chị là anh Nguyễn Đức T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị không có con nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị O xác định không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đức T vắng mặt, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, không nộp bản tự khai và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án cho Tòa án. Tòa án đã giao thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho anh T, yêu cầu anh T đến Tòa án để tham gia tố tụng, nhưng anh T đều vắng mặt. Tòa án cũng đã phối hợp với chính quyền địa phương thị trấn V, huyện B trực tiếp thông báo và gửi giấy triệu tập của Tòa án cho anh T đến Tòa án để lấy lời khai và tham gia hòa giải nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Anh Nguyễn Đức T, tại phiên tòa vắng mặt lần hai không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang với tổ trưởng tổ A thị trấn V, tư pháp thị trấn V nơi anh T, chị O cư trú và mẹ đẻ anh T là bà Hoàng Thị T1 phản ánh về tình trạng hôn nhân của chị Trần Thị O và anh Nguyễn Đức T như sau: Chị Trần Thị O và anh Nguyễn Đức T tìm hiểu và xây dựng gia đình từ năm 2022 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/12/2022 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị O và anh T bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, nên hay xảy ra cãi vã nhau, mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng anh T, chị O cũng không cải thiện được, hiện anh T, chị O không quan tâm chăm sóc đến nhau nữa, anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay; về con chung: Quá trình chung sống anh chị không có con. Quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung và công nợ chung.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án thu thập chứng cứ chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn nội dung thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục đối với phiên phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ của bị đơn về việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án quy định tại Điều 72 BLTTDS.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị O đối với anh Nguyễn Đức T về việc "Ly hôn".

Về con chung: Chị Trần Thị O và anh Nguyễn Đức T không có con nên không đề nghị xem xét.

Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Chị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, lời trình bày của đương sự, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án do chị Trần Thị O có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Thẩm quyền theo cấp xét xử thì Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Đức T có nơi cư trú tại tổ A, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cứ trú nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Đức T nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh T vẫn không có mặt và cũng không có ý kiến gì về việc chị O yêu cầu ly hôn. Xét thấy Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn anh Nguyễn Đức T vắng mặt tại phiên toà không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đức T.

[3] Về hôn nhân: Chị Trần Thị O và anh Nguyễn Đức T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 14/12/2022 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang nên hôn nhân giữa chị O và anh T là hợp pháp.

[4] Xét tình trạng hôn nhân: Quá trình chung sống chị O và anh T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, hai bên không có sự động viên, chia sẻ, tạo điều kiện giúp đỡ nhau trong cuộc sống, trong công việc hàng ngày. Mâu thuẫn đã thường xuyên xảy ra căng thẳng mặc dù đã được gia đình can thiệp hòa giải nhưng vẫn không sửa chữa khắc phục, không cải thiện tốt quan hệ vợ chồng, khả năng đoàn tụ không còn, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay. Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho anh T, anh T nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị O. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo biên bản xác minh tại chính quyền thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang và qua xác minh mẹ đẻ anh T là bà Hoàng Thị T1 thể hiện do vợ chồng anh T chị O bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thời gian anh T và chị O sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay. Chị O xác định không còn tình cảm với anh T, vợ chồng không hòa thuận, không thể tiếp tục chung sống với nhau, chị O kiên quyết xin ly hôn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị O không tạo điều kiện để tiếp tục

chung sống. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh T thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị O.

[5] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, anh chị không có con. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung**:** Chị O không yêu cầu giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí**:** Chị Trần Thị O phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị O. Chị Trần Thị O được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

Về Án phí: Chị Trần Thị O phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai số 0002069, ngày 27/3/2024.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân dự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Các đương sự;

- UBND TT Việt Quang (Nơi ĐKKH);
- Chi cục THA huyện Bắc Quang;
- Lưu HS-BP.

Hà Tuấn Vĩnh